

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN LỘC  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2021/DS-ST**

Ngày: 16-6-2021.

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Kim Tân.
2. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Thoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2021/QĐST-DS ngày 31/5/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1967, có mặt.  
Địa chỉ: tổ 19, khu 4, ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bích Th, sinh năm 1972, vắng mặt.  
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*  
Bà Bùi Thị N, sinh năm 1967, vắng mặt.  
Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày:

Vào ngày 30/8/2019, ông Ngô Văn T cho bà Nguyễn Thị Bích Th vay với số tiền 20.000.000đồng, lãi suất một tháng là 1.000.000đồng/ 20.000.000đồng tiền vay. Khi ông đưa số tiền 20.000.000đồng ngày 30/8/2019 thì bà Th đã trả ngay cho ông số tiền 1.000.000đồng tiền lãi từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/9/2019. Nhưng từ đó đến nay bà Th không trả cho ông số tiền lãi nào. Khi ông cho bà Th vay tiền, hai bên có viết giấy tay do chính ông T viết và bà Th có ký và ghi rõ họ tên vào người mượn tiền. Đến tháng 10/2020, bà Th trả cho ông T số tiền gốc là 8.000.000 đồng.

Đối với số tiền 20.000.000 đồng ông đã cho bà Th vay tiền, đây là số tiền riêng của ông T không liên quan gì đến vợ ông là Bùi Thị N, khi bà Th trả cho ông 1.000.000đồng tiền lãi và 8.000.000đồng tiền gốc thì ông cũng không mang số tiền trên về phục vụ gia đình mà dùng để xài cho cá nhân của ông T. Khi ông T cho bà Th vay tiền, chỉ có một mình bà Th nhận tiền và ký vào giấy vay tiền nên ông T chỉ khởi kiện một mình bà Th và chỉ yêu cầu cá nhân bà Th trả tiền. Nay ông Ngô Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả cho ông số tiền 12.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích Th trình bày: bà Th thống nhất với lời trình bày của ông Ngô Văn T về số tiền vay 20.000.000đồng, lãi suất. Bà đã trả cho ông T số tiền lãi là 1.000.000đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền vào ngày 30/9/2019, giấy vay này do ông Nguyễn Văn T viết, bà Th là người ký tên trên giấy vay tiền. Mục đích bà Th vay tiền của ông T là để cho người khác vay, không liên quan gì đến chồng bà Th vì khi bà vay tiền chồng bà cũng không biết và bà cũng không mang số tiền trên về phục vụ cho gia đình. Trong quá trình vay, bà Th có trả cho ông T số tiền gốc 8.000.000đồng, còn lại 12.000.000 đồng. Nay ông Ngô Văn T yêu cầu bà trả số tiền gốc là 12.000.000đồng thì bà đồng ý trả cho ông T số tiền trên nhưng bà xin trả dần vì hiện nay bà đang gặp khó khăn nên không thể trả một lần cho ông T số tiền 12.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi bà đã trả 1.000.000 đồng bà không yêu cầu xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật: việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến nay đúng theo quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành quyền và nghĩa vụ còn bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả số tiền vay là 12.000.000 đồng cho ông Ngô Văn T. Ông T không yêu cầu tính lãi suất nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Bích Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: bà Nguyễn Thị Bích Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay, do đó ông Ngô Văn T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả. Như vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc được quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tư cách đương sự: Ông Ngô Văn T khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích Th nên Tòa án xác định ông T là nguyên đơn, bà Th là bị đơn, bà N là vợ của ông T nên

là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Theo giấy cho vay mượn tiền (V/v nhận tiền vay) ngày 30/9/2019 bà Nguyễn Thị Bích Th có ký và ghi họ tên vào giấy cho vay mượn tiền trên, đến ngày hẹn trả nợ nhưng bà Th chưa thanh toán các khoản tiền lãi cho ông T, do đó bà Nguyễn Thị Bích Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản vay nên ông Ngô Văn T khởi kiện ông T trả nợ khoản vay là phù hợp.

[6] Xét yêu cầu các đương sự thì thấy: Ông Ngô Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả cho ông số tiền 12.000.000 đồng, bà Th đồng ý trả và thừa nhận có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, thừa nhận giấy mượn tiền ngày 30/9/2019 có chữ ký và chữ viết của bà nhưng tại các buổi hòa giải công khai chứng cứ bà Th không đến làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Điều đó thể hiện nội dung giấy mượn tiền và việc mượn tiền giữa ông Ngô Văn T và bà Nguyễn Thị Bích Th là có thật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn T buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải trả cho ông T số tiền 12.000.000 đồng, ông T không yêu cầu lãi suất nên không giải quyết.

[7] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[8] Về án phí: do yêu cầu của ông T được chấp nhận, nên bà Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là  $12.000.000 \times 5\% = 600.000$  đồng. Hoàn trả lại cho ông T tiền tạm ứng án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Ngô Văn T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Nguyễn Thị Bích Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải thanh toán cho ông Ngô Văn T số tiền 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu*).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: buộc bà Nguyễn Thị Bích Th phải nộp 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Ngô Văn T số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0004262 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

Ông được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND. Huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS. Huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Trang**